

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **35/2021/DS-ST**.

Ngày: 19- 8- 2021.

V/v “*Tranh chấp hợp
đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Xuân Thắng.
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Nguyệt. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 229/2020/TLST – DS, ngày 29 tháng 7 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33b/2021/QĐST – DS, ngày 05 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2021/QĐST–DS, ngày 23/7/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân Hàng TMCP VCB.

Địa chỉ: Số 198 Trần Quang K, phường T, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T. Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền khởi kiện: Ông Phạm Ngọc H. Chức vụ: Giám đốc Ngân Hàng TMCP VCB– chi nhánh Đắk Lắk, theo giấy uỷ quyền số 312/UQ-VCB-PC, ngày 18/6/2018 của Chủ tịch hội đồng quản trị Ngân Hàng TMCP VCB.

Địa chỉ: Số 06 Trần Hưng Đ, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người được uỷ quyền lại tham gia tố tụng: Ông Trịnh Ngọc H. Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch K - Ngân Hàng TMCP VCB chi nhánh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Số 144 Nguyễn Tất T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V.

Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện N, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1987.

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992.

+ Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1993.

+ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Theo đơn khởi kiện ngày 6/7/2020 và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Trịnh Ngọc H trình bày: Vào ngày 20/02/2019, Ngân Hàng TMCP VCB chi nhánh Đắk Lắk – PGD K có ký hợp đồng tín dụng số 20/0219/HT/HĐTD với vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V. Theo hợp đồng thì Ngân hàng cho ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị V vay số tiền

500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn). Thời hạn vay: 355 ngày; Mục đích vay: Đầu tư sản xuất nông nghiệp; Thời hạn trả gốc: 355 ngày/lần; Thời hạn trả lãi: 03 tháng/lần kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên.

Theo hợp đồng lãi suất thỏa thuận: Lãi trong hạn là 10,5%/năm trên dư nợ gốc và lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn. Phương thức trả lãi suất theo phân kỳ: 3 tháng/ 1 lần kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên.

Để đảm bảo cho khoản vay trên thì ngày 25/02/2016 vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V có ký hợp đồng thế chấp tài sản số 25/0216/HT/HĐTC; Hợp đồng thế chấp tài sản số 25/0216/HT/HĐTS ngày 25/02/2016. Tài sản thế chấp bao gồm:

+ Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 115585, thửa đất số: 120; tờ bản đồ số: 39 diện tích 4.821,5m² do UBND huyện N, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28/01/2016 cho hộ ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V.

+ Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 115594, thửa đất số: 88; tờ bản đồ số: 39 diện tích: 14.253 m² do UBND huyện N, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28/01/2016 cho hộ ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V.

+ Tài sản thứ ba: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 115592, thửa đất số: 31; tờ bản đồ số: 39, diện tích: 7.534,7 m² do UBND huyện N, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28/01/2016 cho hộ ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V. Địa chỉ các thửa đất tọa lạc tại Thôn T, xã D, huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

Từ khi vay cho đến nay đã quá hạn trả nợ, Ngân hàng đã cử cán bộ tín dụng đến nhắc nhở và đã tạo điều kiện cho ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V trả nợ cho ngân hàng nhưng ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V mới trả cho ngân hàng

số tiền vay gốc 14.869.895đ và tiền lãi suất trả đến ngày 03/12/2019 là 39.267.126đ. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông H, bà V và yêu cầu ông H, bà V bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để ngân hàng bán thu hồi nợ, tuy nhiên ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V không đồng ý bàn giao tài sản thế chấp cho ngân hàng để ngân hàng xử lý thu hồi nợ.

Vì vậy, Ngân Hàng TMCP VCB khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc và lãi suất phát sinh tạm tính đến ngày khởi kiện là 527.632.592đ. Sau khi khởi kiện tính đến ngày 07/5/2021 ông H, bà V đã trả cho ngân hàng 120.000.000đ tiền vay gốc. Do vậy, tại phiên tòa ông Trịnh Ngọc H yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V trả cho nguyên đơn tổng số tiền vay gốc và lãi suất tạm tính đến ngày 19/8/2021 là 477.528.492đ; trong đó tiền vay nợ gốc là 365.130.105đ; Tiền lãi suất trong hạn 11.794.518đ, tiền lãi suất quá hạn 100.603.869đ. Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 120.000.000đ tiền vay gốc bị đơn đã trả cho nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V tiếp tục thanh toán phần nợ lãi, lãi quá hạn và các khoản phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 20/0219/HT/HĐTD, ngày 20/02/2019 kể từ ngày 20/8/2021 cho đến khi thanh toán xong.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân Hàng TMCP VCB thì Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên quyền cho Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản đã thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo các giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: BT 115585, thửa đất số: 120; tờ bản đồ số: 39, diện tích: 4.821,5 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 115594, thửa đất số: 88; Tờ bản đồ số: 39, diện tích: 14.253 m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 115592, thửa đất số: 31; tờ bản đồ số: 39, diện tích: 7.534,7 m² đều do UBND huyện N, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28/01/2016 cho hộ ông Nguyễn Văn H, bà

Hoàng Thị V; Địa chỉ các thửa đất tọa lạc tại Thôn T, xã D, huyện N, tỉnh Đắk Lắk theo hợp đồng thế chấp tài sản số 25/0216/HT/HĐTC; Hợp đồng thế chấp tài sản số 25/0216/HT/HĐTS ngày 25/02/2016 để thu hồi nợ. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V đã thanh toán đầy đủ tiền vay gốc và toàn bộ lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại tài sản thế chấp nói trên cho ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V.

* Tại bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V trình bày: Vào ngày 20/02/2019, vợ chồng tôi (Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V) có ký hợp đồng tín dụng số 20/0219/HT/HĐTD với Ngân hàng TMCP VCB, Chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch K vay số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn) tiền vay gốc; Lãi suất vay trong hạn: 10,5%/năm; Lãi suất vay quá hạn là 150% so với lãi suất cho vay trong hạn; Thời hạn vay: 355 ngày; Mục đích vay: Đầu tư sản xuất nông nghiệp; Thời hạn trả gốc: 355 ngày/lần; Thời hạn trả lãi: 03 tháng/lần kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên, vợ chồng tôi đã thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 25/0216/HT/HĐTC; Hợp đồng thế chấp tài sản số 25/0216/HT/HĐTS ngày 25/02/2016. Tài sản thế chấp bao gồm:

+ Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 115585, thửa đất số: 120; tờ bản đồ số: 39 diện tích 4.821,5m² do UBND huyện N, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28/01/2016 cho hộ ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V.

+ Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 115594, thửa đất số: 88; tờ bản đồ số: 39 diện tích: 14.253 m² do UBND huyện N, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28/01/2016 cho hộ ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V.

+ Tài sản thứ ba: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 115592, thửa đất số: 31; tờ bản đồ số: 39 diện tích: 7.534,7 m² do UBND huyện N, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28/01/2016 cho hộ ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng đến ngày 7/5/2021 vợ chồng tôi (H, V) đã trả được cho ngân hàng số tiền vay gốc là 134.869.895đ và 39.267.126đ tiền lãi suất. Số tiền vay gốc và lãi suất được trả cụ thể như sau: Ngày 24/5/2019, trả 12.801.370đ tiền lãi suất; ngày 23/8/2019 trả 13.232.877đ tiền lãi suất; ngày 03/12/2019 trả 13.232.879đ tiền lãi suất; ngày 26/02/2020, trả 881đ tiền vay gốc; Ngày 10/02/2020, trả 14.869.014đ tiền vay gốc; ngày 23/9/2020, trả 80.000.000đ tiền vay gốc; ngày 24/9/2020 trả 20.000.000đ tiền vay gốc và ngày 07/5/2021 trả 20.000.000đ tiền vay gốc. Hiện tại vợ chồng tôi còn nợ ngân hàng số tiền vay nợ gốc là 365.130.105 đồng và khoản tiền nợ lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 20/0219/HT/HĐTD, ngày 20/02/2019. Ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V có nguyện vọng xin ngân hàng tạo điều kiện cho ông H, bà V trả dần số tiền vay trên, vì hiện nay ông bà rất khó khăn về kinh tế không có khả năng trả nợ, phải đi làm thuê để có tiền trả nợ cho ngân hàng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật, mở phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chỉ có đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn P, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị N đều vắng mặt không có lý do; Căn cứ khoản 3 Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vắng mặt đối với những người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận:

- Ông Trịnh Ngọc H trình bày ý kiến tranh luận: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc 485.130.105 đồng và khoản tiền lãi suất phát sinh còn nợ, khấu trừ số tiền đã trả 120.000.000đ tiền vay gốc đã trả, số tiền vay gốc còn lại 365.130.105đ yêu cầu bị đơn tiếp tục trả nợ cho nguyên đơn.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn P, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị N đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tiếp nhận đơn khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án, thụ lý và ra thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đảm bảo quyền tham gia tố tụng của các bên.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX): HĐXX, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thành phần Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bị ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Văn P, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị N đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 73, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị HĐXX tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP VCB. Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc và lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/8/2021) là 477.528.492đ và khoản tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ ngày 20/8/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ; Xử lý tài sản thế chấp của ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 120.000.000đ tiền vay gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân Hàng TMCP VCB lập ngày 06 tháng 7 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện N, tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk và trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận Tòa án giải quyết tranh chấp là nơi Ngân hàng TMCP VCB có trụ sở tại thời điểm nộp đơn khởi kiện. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn P, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị N; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; giấy

báo tham gia phiên tòa nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng TMCP VCB yêu cầu Hội đồng xét xử (HĐXX) buộc ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V có trách nhiệm trả cho Ngân Hàng TMCP VCB 485.130.986đ tiền vay gốc, HĐXX nhận định: Ngày 20/02/2019 Ngân Hàng TMCP VCB chi nhánh Đắk Lắk – PGD K có ký hợp đồng tín dụng số 20/0219/HT/HĐTD. Theo hợp đồng thì Ngân hàng cho ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V vay số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn). Mục đích vay: Đầu tư sản xuất. Thời hạn vay là 355 ngày kể từ ngày 20/02/2019. Trong quá trình thực hiện hợp đồng mặc dù đã quá hạn trả nợ nhưng tính đến nay ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V đã trả cho Ngân hàng 134.869.895đ tiền vay gốc và còn nợ lại số tiền vay gốc 365.130.105đ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng đã ký kết và theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác”.

Căn cứ điều luật viện dẫn nêu trên, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy HĐXX áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự buộc ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V phải có trách nhiệm trả cho Ngân Hàng TMCP VCB số tiền 365.130.105đ vay gốc là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Đối với số tiền vay gốc 120.000.000đ bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V đã trả cho nguyên đơn và nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nói trên nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân Hàng TMCP VCB đối với số tiền 120.000.000đ.

[4] Về lãi suất: Theo hợp đồng lãi suất thỏa thuận: Lãi trong hạn là 10,5%/năm trên dư nợ gốc và lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn. Phương thức trả lãi suất theo phân kỳ: 3 tháng/ 1 lần kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Căn cứ mục 3 phần I Thông Tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19 tháng 6 năm 1997 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp và Bộ tài chính và thỏa thuận việc điều chỉnh lãi suất của các bên để tính lãi suất theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tiền lãi suất được tính cụ thể như sau:

Từ ngày	Đến ngày	Số ngày	Lãi suất %/năm	Số tiền gốc	Tiền lãi
20/02/2019	20/11/2019	274	10.50%	500.000.000đ	39.410.959đ
21/11/2019	09/02/2020	81	10.50%	500.000.000đ	11.650.685đ
10/02/2020	25/02/2020	16	15.75%	485.130.986đ	3.349.397đ
26/02/2020	14/05/2020	79	15.75%	485.130.105đ	16.537.620đ
15/05/2020	31/7/2020	78	14.9625%	485.130.105đ	15.511.869đ
01/8/2020	22/9/2020	53	15.75%	485.130.105đ	11.094.859đ
23/9/2020	23/9/2020	1	15.75%	405.130.105đ	174.816đ
24/9/2020	06/5/2021	225	15.75%	385.130.105đ	37.391.913đ
07/05/2021	19/8/2021	105	15.75%	365.130.105đ	16.543.395đ

Tổng tiền lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn là: 151.665.513đ, khấu trừ số tiền lãi suất đã trả là 39.267.126đ và số tiền lãi suất còn nợ là 112.398.387đ.

Như vậy tổng cộng tiền vay gốc và lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xét xử sơ thẩm (ngày 19/8/2021) là 477.528.492đ. trong đó tiền vay nợ gốc là 365.130.105đ; Tiền lãi suất trong hạn 11.794.518đđ, tiền lãi suất quá hạn 100.603.869đ.

[5] Về tài sản thế chấp: Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 25/0216/HT/HĐTC; Hợp đồng thế chấp tài sản số 25/0216/HT/HĐTS ngày

25/02/2016 và được chứng nhận thế chấp Quyền sử dụng đất tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện N ngày 25/02/2016 thì ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V thế chấp cho Ngân Hàng TMCP VCB bằng tài sản đã thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo các giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: BT 115585, thửa đất số: 120; tờ bản đồ số: 39, diện tích: 4.821,5 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 115594, thửa đất số: 88; tờ bản đồ số: 39, diện tích: 14.253 m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 115592, thửa đất số: 31; tờ bản đồ số: 39, diện tích: 7.534,7 m² đều do UBND huyện N, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28/01/2016 cho hộ ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V; Địa chỉ các thửa đất tọa lạc tại Thôn T, xã D, huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

Xét thấy việc thế chấp trên của các bên đương sự là hợp pháp, đúng theo quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 318 Bộ luật dân sự. Áp dụng Điều 319, Điều 355 Bộ luật dân sự; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP, ngày 22/02/2012 của Chính phủ và Khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/ 2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm tuyên: Trường hợp ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V không tự nguyện thanh toán đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân Hàng TMCP VCB có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự cưỡng chế bán phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ trên phạm vi nghĩa vụ bảo đảm 365.130.105đ tiền vay gốc và các khoản phát sinh trên số tiền vay gốc.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 157 và Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V phải chịu 1.450.000đ (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản, số tiền này được khấu trừ vào 2.000.000đ tiền tạm ứng chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ tài sản mà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã nộp tại Tòa án, đã chi phí xong. Số tiền còn lại 650.000đ, Tòa án đã trả lại số tiền 650.000đ cho ông Trịnh Ngọc H(Bút lục số 99). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, HĐXX buộc ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng

Thị V có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn Ngân Hàng TMCP VCB 1.450.000đ (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về án phí lệ phí Tòa án. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị V phải chịu 23.101.139đ (Hai mươi ba triệu một trăm lẻ một nghìn một trăm ba mươi chín đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Theo mức: 400.000.000đ phải chịu 20.000.000đ + (77.528.492đ x 4%) = 23.101.139đ.

Ngân Hàng TMCP VCB được nhận lại số tiền 12.552.651đ (mười hai triệu năm trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi một đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0011272 ngày 22/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar.

[8] Xét ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 157, Điều 158, Điều 195, Điều 203; Điều 217; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3, Điều 228; Khoản 2 Điều 229 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 luật các tổ chức tín dụng; Khoản 3 Điều 318, Điều 319, Điều 355 Bộ luật dân sự; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP, ngày 22/02/2012 của Chính phủ và Khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/ 2006/NĐ - CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP VCB.

- Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V phải có trách nhiệm trả cho Ngân Hàng TMCP VCB tổng số tiền 477.528.492đ (bốn trăm bảy mươi bảy triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi hai đồng); trong đó tiền vay nợ gốc là 365.130.105đ; Tiền lãi suất trong hạn 11.794.518đđ, tiền lãi suất quá hạn 100.603.869đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 19/8/2021 ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân Hàng TMCP VCB đối với số tiền 120.000.000đ.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V không tự nguyện thanh toán đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì nguyên đơn Ngân Hàng TMCP VCB có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự cưỡng chế bán phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 25/0216/HT/HĐTC; Hợp đồng thế chấp tài sản số 25/0216/HT/HĐTS ngày 25/02/2016 để thanh toán nợ trên phạm vi nghĩa vụ bảo đảm 365.130.105đ tiền vay gốc và các khoản lãi phát sinh trên số tiền vay gốc. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân Hàng TMCP VCB có nghĩa vụ trả lại tài sản đã thế chấp

nói trên cho ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo các giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: BT 115585, thửa đất số: 120; tờ bản đồ số: 39, diện tích: 4.821,5 m², mục đích sử dụng: đất ở 200m², đất trồng cây lâu năm 4.621,5 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 115594, thửa đất số: 88; tờ bản đồ số: 39, diện tích: 14.253 m², mục đích sử dụng đất nuôi trồng thủy sản 991,2m², đất trồng cây lâu năm 13261,8 m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 115592, thửa đất số: 31; tờ bản đồ số: 39, diện tích: 7.534,7 m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm đều do UBND huyện N, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28/01/2016 cho hộ ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V; Địa chỉ các thửa đất tọa lạc tại Thôn T, xã D, huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

- Về chi phí thẩm định tại chỗ: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị V phải có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn Ngân Hàng TMCP VCB số tiền 1.450.000đ (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

- Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị V phải chịu 23.101.139đ (Hai mươi ba triệu một trăm lẻ một nghìn một trăm ba mươi chín đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân Hàng TMCP VCB được nhận lại số tiền 12.552.651đ (mười hai triệu năm trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi một đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0011272 ngày 22/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- Chi cục Thi hành án huyện E;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Võ Thị Mai